

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1647/2022/KDTM-ST
Ngày: 23-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Quốc Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Bích Dung

Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Định là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1034/2002/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2002 về: “Đòi nợ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4108/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11421/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Đ

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Công ty TNHH

M

Địa chỉ: E Q, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn X; địa chỉ liên hệ: 2 Trần Hưng Đạo B, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 31/7/2007).

2. Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: Số D S (nội dài), Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông James N (N) – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên; Địa chỉ: Số A S (nội dài), Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: Ông Lê Văn X xin vắng mặt; ông James N (N) vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 26/4/2002, Văn bản số 201/CTCP ngày 13/11/2006, Văn bản số 921/MBN-TN ngày 31/7/2007 và trong quá trình giải

quyết vụ án, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty Đ là Công ty TNHH M có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn X thể hiện:

Công ty Đ - Chi nhánh Thành phố H và Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng mua bán đá khối Granite số 04/NM-MBXX ngày 17/01/2002. Hợp đồng đã được thực hiện xong. Ngày 04/4/2002 ông James N (Giám đốc Công ty T) đã làm giấy xác nhận còn nợ Công ty Đ ốp lát và Xây dựng - Chi nhánh Thành phố H số tiền 2.000USD, 1.700.000 đồng và lãi phạt chậm trả 0,9% tính từ ngày 04/02/2002 nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Ngày 31/3/2003 thực hiện chủ trương của Nhà nước về chuyển Công ty Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ), khi xác định giá trị doanh nghiệp, khoản nợ còn lại của Công ty T đã được Hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp Công ty Đ ốp lát và Xây dựng đưa vào diện công nợ phải thu khó đòi, không tính vào giá trị doanh nghiệp nên Công ty Đ chỉ giữ hộ Nhà nước. Ngày 23/10/2006 Công ty Đ đã bàn giao trên sổ sách toàn bộ tài sản và các khoản nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp. Như vậy, hiện nay, Công ty M nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp là chủ nợ của Công ty T.

Công ty M nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (nay là Công ty TNHH M, sau đây gọi tắt là Công ty M) xác định khoản nợ của Công ty T nợ Công ty Đ (giá trị hoạch toán trên sổ kế toán của Công ty Đ là 28.638.063 đồng) đã được chuyển giao hợp pháp theo quy định của pháp luật cho chủ nợ mới là Công ty Mua bán nợ Việt Nam. Do đó, Công ty M yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Công ty T thanh toán số tiền 28.638.063 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty T có người đại diện theo pháp luật là ông James N (N) – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không có ý kiến trình bày.

* Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty M là ông Lê Văn X có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo Đơn khởi kiện ngày 26/4/2002, Văn bản số 201/CTCP ngày 13/11/2006, Văn bản số 921/MBN-TN ngày 31/7/2007, Công ty M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty T thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng mua bán đá khối Granite giữa Công ty Đ ốp lát và Xây dựng - Chi nhánh Thành phố H và Công ty T, nên đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng mua bán giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Vì vậy, khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự về đòi nợ, là chưa phù hợp, nên cần xác định lại cho phù hợp.

Vụ án được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý ngày 20/6/2002, là thời điểm Pháp lệnh Giải quyết các vụ án kinh tế năm 1994 có hiệu lực nhưng đến nay mới đưa ra giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty M có đơn xin vắng mặt, người đại diện theo pháp luật của Công ty T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của Công ty M buộc Công ty T thanh toán số tiền 28.638.063 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Văn bản số 12/CNHCM ngày 06/3/2002 của Công ty Đ ốp lát và Xây dựng - Chi nhánh Thành phố H (mặt trước và mặt sau) thể hiện Công ty T do ông James N là Giám đốc Công ty làm đại diện xác nhận còn nợ Công ty Đ ốp lát và Xây dựng - Chi nhánh Thành phố H số tiền 2.000USD, 1.700.000 đồng và đồng ý trả lãi chậm thanh toán.

Xét, căn cứ Hợp đồng mua bán số 04/NM-MBXX ngày 17/01/2002, Bảng nghiệm thu đá granite xuất khẩu ngày 25/01/2002 giữa Công ty Đ ốp lát và Xây dựng - Chi nhánh Thành phố H và Công ty T, Hóa đơn (GTGT) ngày số 074906 ngày 28/01/2002, có cơ sở xác định, Công ty Đ ốp lát và Xây dựng - Chi nhánh Thành phố H đã thực đầy đủ nghĩa vụ giao hàng theo hợp đồng nên có quyền yêu cầu Công ty T thanh toán.

Xét, yêu cầu khởi kiện của Công ty M là có cơ sở, phù hợp với xác nhận nợ của Công ty T, phù hợp với ý kiến của Công ty Đ, phù hợp với “Bảng kê chi tiết và phân loại vật tư hàng hóa, công cụ, dụng cụ tồn kho lạo trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp để bàn giao” ngày 23/10/2006 của Công ty Đ, phù hợp

với Điều 63, 223 Luật Thương mại năm 1997, cũng phù hợp với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 51 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, do vụ án đã được Tòa án thụ lý để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm ngày 20/6/2002 nhưng đến nay mới giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, nên các quyết định về án phí, lệ phí Tòa án được thực hiện theo quy định của Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ “Về án phí, lệ phí Tòa án”.

Căn cứ khoản 1 Điều 19 Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ do yêu cầu của Công ty M được Tòa án chấp nhận nên Công ty T phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 63, 223 Luật Thương mại năm 1997;

- Căn cứ khoản 1 Điều 19 Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M.

1.1. Buộc Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán số 04/NM-MBXK ngày 17/01/2002 giữa Công ty Đốp lát và Xây dựng - Chi nhánh Thành phố H và Công ty TNHH T là 28.638.063 đồng.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH T phải chịu án phí sơ thẩm là 1.431.900 đồng.

Công ty TNHH M không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.175.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 026723, quyển số 006535 ngày 23/5/2002 của Phòng Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Quốc Thịnh